

hàng trích từ tài khoản của chủ hàng số tiền thuế còn nợ để nộp vào Ngân sách Nhà nước hoặc thu giữ một phần hàng hóa xuất, nhập khẩu của chủ hàng để bán và nộp thuế vào ngân sách.

— Đối với tiền phạt chậm nộp thuế xuất, nhập khẩu, do khó khăn thực tế, giao Bộ Tài chính xem xét miễn giảm trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. — Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn thi hành Quyết định này.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 128-HĐBT ngày 19-4-1991 quy định phạm vi địa bàn hoạt động cụ thể và khu vực kiểm soát của Hải quan Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ khoản 1 điều 28 của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự ngày 4 tháng 4 năm 1989;

Căn cứ các điều 3, điều 5 của Pháp lệnh hải quan ngày 21 tháng 2 năm 1990;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Phạm vi địa bàn hoạt động cụ thể của Hải quan Việt Nam được quy định như sau:

1. Các khu vực cửa khẩu đường bộ, bao gồm các cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ dọc theo biên giới quốc gia giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước láng giềng.

2. Các cảng hàng không dân dụng quốc tế, cảng biển, cảng sông có thông thương với nước ngoài bằng đường biển, đường sông.

Riêng đối với cảng biển quốc tế, khu vực này còn bao gồm cả khu vực xung quanh phao số «0» và nơi quy định cho tàu, thuyền xuất cảnh, nhập cảnh neo đậu chờ vào cảng biển quốc tế và dọc theo các luồng lạch từ các khu vực nói trên vào cảng biển quốc tế.

3. Các Bru điện quốc tế (Bru cục ngoại dịch) có chuyên nhận thư từ, bưu kiện với nước ngoài theo Công ước của Liên minh bưu chính viễn thông quốc tế và các quy định về bưu chính viễn thông của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Tại các địa điểm khác ở nội địa gồm: kho, bãi chuyên dụng chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các tổ chức vận tải, kinh doanh và giao nhận xuất, nhập khẩu; địa điểm của các tổ chức được phép làm dịch vụ xuất, nhập khẩu hoặc dịch vụ bán hàng thu ngoại tệ; bưu cục kiểm quan; địa điểm của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội được hải quan chấp nhận làm địa điểm kiểm tra hải quan và những địa điểm ở nội địa mà hải quan phát hiện có dấu hiệu hoạt động buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, ngoại hối qua biên giới.

5. Các tuyến đường quá cảnh, mượn đường Việt Nam: là các tuyến đường được Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định cho hoạt động

quá cảnh, mượn đường Việt Nam tính từ cửa khẩu nhập tới cửa khẩu xuất.

Điều 2. — Khu vực kiểm soát hải quan được quy định như sau:

1. Khu vực kiểm soát hải quan dọc theo biên giới đất liền bao gồm các xã và các đơn vị hành chính tương đương trong khu vực biên giới Việt Nam:

2. Khu vực kiểm soát hải quan trên sông suối biên giới là phần sông suối biên giới trong phạm vi các xã và các đơn vị hành chính tương đương trong khu vực biên giới.

3. Khu vực kiểm soát hải quan dọc theo bờ biển và hải đảo bao gồm các xã và các đơn vị hành chính tương đương ở ven biển và hải đảo.

4. Khu vực kiểm soát hải quan trên biển bao gồm nội thủy, lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. — Căn cứ địa hình ở từng địa phương, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương thống nhất với Tổng cục Hải quan quy định cụ thể phạm vi khu vực kiểm soát hải quan nói tại các khoản 1, 2 của Điều 2 Nghị định này.

Điều 4. — Khi thi hành phận sự, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Hải quan Việt Nam cần hiệp đồng, phối hợp với các lực lượng khác cùng hoạt động trên 1 địa bàn.

Điều 5. — Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 6. — Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định này. Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy

ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 129-HĐBT ngày 20-4-1991 về trợ cấp cho công nhân, viên chức hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng chính sách xã hội.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động — Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Từ ngày 1 tháng 5 năm 1991 trợ cấp 15% mức lương chức vụ (cấp bậc), mức trợ cấp và sinh hoạt phí đã được tính lại theo quyết định số 203-HĐBT ngày 28 tháng 12 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng cho công nhân, viên chức hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng chính sách xã hội. Riêng hạ sĩ quan và binh sĩ khoản trợ cấp thêm 15% chỉ tính trên phụ cấp quản hàm.

Các đối tượng nói trên, khi tính theo 15%, mà tiền trợ cấp thêm chưa được 4.000đ/tháng, thì bù thêm cho đủ 4.000 đồng.